

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2021 và phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các huyện, thị xã, thành phố: Nông Sơn, Đại Lộc, Tây Giang, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Duy Xuyên, Núi Thành, Nam Giang, Đông Giang, Quế Sơn, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2021;

Theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố: Nông Sơn, Đại Lộc, Tây Giang, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Duy Xuyên, Núi Thành, Nam Giang, Đông Giang, Quế Sơn, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 629/TTr-STNMT ngày 10/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ năm 2021 và phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các huyện, thị xã, thành phố: Nông Sơn, Đại Lộc, Tây Giang, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Duy Xuyên, Núi Thành, Nam Giang, Đông Giang, Quế Sơn, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ; với các nội dung sau:

1. Bổ sung 149 danh mục dự án thu hồi đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021, với tổng diện tích 689,27 ha, trong đó:

a) 112 danh mục sử dụng vốn ngân sách nhà nước, với tổng diện tích 339,58 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 50,35 ha; đất trồng lúa nước còn lại 9,95 ha; đất trồng rừng phòng hộ 11,27 ha).

b) 37 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách với tổng diện tích 349,69 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 82,59 ha; đất rừng phòng hộ 4,41 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục, dự án thu hồi đất năm 2021	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa				
				Tổng cộng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RĐD
	TỔNG CỘNG	149	689,27	158,58	132,95	9,95	15,68	-
*	Vốn ngân sách	112	339,58	71,57	50,35	9,95	11,27	-
*	Vốn ngoài ngân sách	37	349,69	87,00	82,59	-	4,41	-
1	HUYỆN NÔNG SON	6	3,30	0,63	0,60	0,03	-	-
1.1	Vốn ngân sách	5	2,30	0,63	0,60	0,03	-	-
1.2	Vốn ngoài ngân sách	1	1,00	-	-	-	-	-
2	HUYỆN ĐẠI LỘC	14	37,60	10,86	8,99	1,87	-	-
2.1	Vốn ngân sách	14	37,60	10,86	8,99	1,87	-	-
2.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
3	HUYỆN TÂY GIANG	4	7,50	4,20	-	-	4,20	-
3.1	Vốn ngân sách	4	7,50	4,20	-	-	4,20	-
3.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
4	THÀNH PHỐ HỘI AN	20	60,48	3,43	2,80	0,63	-	-
4.1	Vốn ngân sách	18	22,18	3,43	2,80	0,63	-	-
4.2	Vốn ngoài ngân sách	2	38,30	-	-	-	-	-
5	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	2	4,88	0,07	0,06	0,01	-	-
5.1	Vốn ngân sách	2	4,88	0,07	0,06	0,01	-	-
5.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
6	HUYỆN THẮNG BÌNH	11	122,02	22,63	18,22	-	4,41	-
6.1	Vốn ngân sách	5	12,44	2,57	2,57	-	-	-
6.2	Vốn ngoài ngân sách	6	109,58	20,06	15,65	-	4,41	-
7	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	21	80,39	38,78	38,78	-	-	-
7.1	Vốn ngân sách	11	23,13	10,07	10,07	-	-	-
7.2	Vốn ngoài ngân sách	10	57,26	28,71	28,71	-	-	-
8	HUYỆN PHÚ NINH	1	6,60	2,60	2,60	-	-	-
8.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
8.2	Vốn ngoài ngân sách	1	6,60	2,60	2,60	-	-	-
9	HUYỆN DUY XUYÊN	32	174,61	32,14	31,37	0,77	-	-
9.1	Vốn ngân sách	20	81,33	12,21	11,44	0,77	-	-
9.2	Vốn ngoài ngân sách	12	93,28	19,93	19,93	-	-	-
10	HUYỆN NÚI THÀNH	14	103,59	24,89	11,18	6,64	7,07	-
10.1	Vốn ngân sách	14	103,59	24,89	11,18	6,64	7,07	-
10.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

11	THÀNH PHỐ TAM KỲ	5	12,16	4,06	4,06	-	-	-
11.1	Vốn ngân sách	3	3,88	2,55	2,55	-	-	-
11.2	Vốn ngoài ngân sách	2	8,28	1,51	1,51	-	-	-
12	HUYỆN NAM GIANG	6	8,74	-	-	-	-	-
12.1	Vốn ngân sách	6	8,74	-	-	-	-	-
12.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
13	HUYỆN ĐÔNG GIANG	3	15,60	-	-	-	-	-
13.1	Vốn ngân sách	3	15,60	-	-	-	-	-
13.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
14	HUYỆN QUẾ SƠN	7	36,30	14,19	14,19	-	-	-
14.1	Vốn ngân sách	4	0,91	-	-	-	-	-
14.2	Vốn ngoài ngân sách	3	35,39	14,19	14,19	-	-	-
15	HUYỆN HIỆP ĐỨC	3	15,50	0,09	0,09	-	-	-
15.1	Vốn ngân sách	3	15,50	0,09	0,09	-	-	-
15.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Bổ sung 72 danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021, với tổng diện tích là 501,65 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 135,89 ha; đất trồng lúa nước còn lại 17,95 ha; đất rừng phòng hộ 18,68 ha), trong đó:

a) 46 danh mục sử dụng vốn ngân sách nhà nước với tổng diện tích 192,36 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 52,19 ha, đất trồng lúa nước còn lại 10,40 ha, đất rừng phòng hộ 14,27 ha).

b) 26 danh mục sử dụng vốn ngoài ngân sách, với tổng diện tích 309,29 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước là 83,69 ha; đất trồng lúa nước còn lại là 7,55 ha; đất rừng phòng hộ là 4,41 ha).

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa				
				Tổng cộng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG	72	501,65	172,52	135,89	17,95	18,68	-
*	Vốn ngân sách	46	192,36	76,86	52,19	10,40	14,27	-
*	Vốn ngoài ngân sách	26	309,29	95,65	83,69	7,55	4,41	-
1	HUYỆN NÔNG SƠN	2	1,80	0,63	0,60	0,03	-	-
1.1	Vốn ngân sách	2	1,80	0,63	0,60	0,03	-	-
1.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
2	HUYỆN ĐẠI LỘC	8	25,91	10,86	8,99	1,87	-	-
2.1	Vốn ngân sách	8	25,91	10,86	8,99	1,87	-	-
2.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

3	HUYỆN TÂY GIANG	1	7,20	7,20	-	-	7,20	-
3.1	Vốn ngân sách	1	7,20	7,20	-	-	7,20	-
3.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
4	THÀNH PHỐ HỘI AN	3	9,11	3,43	2,80	0,63	-	-
4.1	Vốn ngân sách	3	9,11	3,43	2,80	0,63	-	-
4.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
5	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	4	103,40	3,29	2,83	0,46	-	-
5.1	Vốn ngân sách	3	7,30	2,19	1,73	0,46	-	-
5.2	Vốn ngoài ngân sách	1	96,10	1,10	1,10	-	-	-
6	HUYỆN THẮNG BÌNH	5	57,71	22,63	18,22	-	4,41	-
6.1	Vốn ngân sách	2	7,67	2,57	2,57	-	-	-
6.2	Vốn ngoài ngân sách	3	50,04	20,06	15,65	-	4,41	-
7	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	15	78,86	38,78	38,78	-	-	-
7.1	Vốn ngân sách	7	21,77	10,07	10,07	-	-	-
7.2	Vốn ngoài ngân sách	8	57,09	28,71	28,71	-	-	-
8	HUYỆN PHÚ NINH	1	6,60	2,60	2,60	-	-	-
8.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
8.2	Vốn ngoài ngân sách	1	6,60	2,60	2,60	-	-	-
9	HUYỆN DUY XUYẾN	17	67,01	32,31	31,54	0,77	-	-
9.1	Vốn ngân sách	11	29,08	12,38	11,61	0,77	-	-
9.2	Vốn ngoài ngân sách	6	37,93	19,93	19,93	-	-	-
10	HUYỆN NÚI THÀNH	7	93,62	28,94	11,18	10,69	7,07	-
10.1	Vốn ngân sách	6	79,12	24,89	11,18	6,64	7,07	-
10.2	Vốn ngoài ngân sách	1	14,50	4,05	-	4,05	-	-
11	THÀNH PHỐ TAM KỲ	3	10,84	4,06	4,06	-	-	-
11.1	Vốn ngân sách	2	2,70	2,55	2,55	-	-	-
11.2	Vốn ngoài ngân sách	1	8,14	1,51	1,51	-	-	-
12	HUYỆN QUẾ SƠN	4	37,39	16,19	14,19	2,00	-	-
12.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
12.2	Vốn ngoài ngân sách	4	37,39	16,19	14,19	2,00	-	-
13	HUYỆN HIỆP ĐỨC	2	2,20	1,59	0,09	1,50	-	-
13.1	Vốn ngân sách	1	0,70	0,09	0,09	-	-	-
13.2	Vốn ngoài ngân sách	1	1,50	1,50	-	1,50	-	-

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

3. Điều chỉnh, bổ sung diện tích danh mục, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn huyện Bắc Trà My được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 23/6/2021.

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm)

4. Bổ sung 20 danh mục dự án (sử dụng vốn ngân sách nhà nước: 10 danh mục; sử dụng vốn ngoài ngân sách: 10 danh mục) thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, với tổng diện tích 124,35 ha; trong đó: đất trồng lúa nước còn lại là 4,05 ha.

Đơn vị tính: ha

TT	Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Số lượng danh mục	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa				
				Tổng cộng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG	20	124,35	4,05	-	4,05	-	-
*	Vốn ngân sách	10	44,73	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	10	79,62	4,05	-	4,05	-	-
1	HUYỆN NÔNG SƠN	2	1,20	-	-	-	-	-
1.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Vốn ngoài ngân sách	2	1,20	-	-	-	-	-
2	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	4	7,78	-	-	-	-	-
2.1	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Vốn ngoài ngân sách	4	7,78	-	-	-	-	-
3	HUYỆN NAM GIANG	5	9,62	-	-	-	-	-
3.1	Vốn ngân sách	4	3,62	-	-	-	-	-
3.2	Vốn ngoài ngân sách	1	6,00	-	-	-	-	-
4	HUYỆN TÂY GIANG	1	0,20	-	-	-	-	-
4.1	Vốn ngân sách	1	0,20	-	-	-	-	-
4.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
5	HUYỆN THẮNG BÌNH	3	50,15	-	-	-	-	-
5.1	Vốn ngân sách	1	0,01	-	-	-	-	-
5.2	Vốn ngoài ngân sách	2	50,14	-	-	-	-	-
6	HUYỆN NÚI THÀNH	3	53,90	4,05	-	4,05	-	-
6.1	Vốn ngân sách	2	39,40	-	-	-	-	-
6.2	Vốn ngoài ngân sách	1	14,50	4,05	-	4,05	-	-
7	HUYỆN PHƯỚC SƠN	2	1,50	-	-	-	-	-
7.1	Vốn ngân sách	2	1,50	-	-	-	-	-
7.2	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-

(Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Nông Sơn, Đại Lộc, Tây Giang, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Duy Xuyên, Núi Thành, Nam Giang, Đông Giang, Quế Sơn, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ chịu trách nhiệm:

- Thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất được bổ sung và triển khai thực hiện các thủ tục đất đai, đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật danh mục dự án theo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của địa phương đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm kiểm tra không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của địa phương.

- Cập nhật các danh mục bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 vào quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của các huyện, thị xã, thành phố để trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Đối với các danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, phải thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến bằng văn bản của HĐND cấp huyện theo đúng quy định tại Nghị quyết số

21/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh trước khi trình cơ quan cấp trên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án tại địa phương mình.

- Kiểm tra, rà soát, thẩm định chặt chẽ danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo thông tin về chủ trương đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tính khả thi của từng dự án, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đúng thẩm quyền thu hồi đất trước khi trình danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Rà soát chỉ tiêu sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ của địa phương theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt; trường hợp vượt chỉ tiêu, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua trước khi trình HĐND tỉnh quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh.

- Thực hiện thủ tục thu hồi đất các khu dân cư, khu đô thị theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; rà soát, lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- UBND các huyện: Núi Thành, Nam Giang chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu các quy định về căn cứ thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng được quy định tại Luật Đất đai 2013 để cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất hằng năm theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật đối với 02 danh mục dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước đề nghị thu hồi đất: Dự án Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai (giai đoạn 2), huyện Núi Thành, với diện tích 14,5 ha; Dự án Tường chắn và hành lang an toàn mỏ đá vôi Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, với diện tích 06 ha.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

- Theo dõi, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và chủ đầu tư các dự án triển khai thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định và tham mưu UBND tỉnh xử lý các phát sinh (nếu có).

- Thực hiện thủ tục thu hồi đất các khu dân cư, khu đô thị theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; rà soát, lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Nghiên cứu các quy định về căn cứ thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng được quy định tại Luật Đất đai 2013 để hướng dẫn UBND huyện Núi Thành và UBND huyện Nam Giang cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật đối với 02 danh mục dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước đề nghị thu hồi đất.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ ở các địa phương.

4. Các Sở, Ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch triển khai thực hiện các danh mục dự án đã được phê duyệt của ngành, đơn vị mình; theo dõi, giám sát việc thực hiện các danh mục chung đã được HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Nông Sơn, Đại Lộc, Tây Giang, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Duy Xuyên, Núi Thành, Nam Giang, Đông Giang, Quế Sơn, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&ĐT, TC, XD, GTVT, NN&PTNT, CT;
- BQL các KKT&KCN tỉnh;
- TTHĐND cấp huyện tại Điều 3;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\Năm 2021\Quyết định\Đất đai\08 10
BS KHSD dat nam 2021 các H TX TP.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tân